

Bản án số: 103/2021/DS-PT

Ngày: 02 - 6 - 2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Bích Vân

*Các Thẩm phán:* 1/ Bà Bùi Thị Cẩm Thúy

2/ Bà Lê Thị Minh Trang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lâm Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Hồng Nhi - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 02 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2021/TLPT-DS ngày 15 tháng 4 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/DS-ST ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 153/2021/QĐPT-DS ngày 14 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Hàng Thị Hoàng Y, sinh năm: 1962.

Địa chỉ: 187, đường A, phường L, quận K, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Ngọc H.

Địa chỉ: Số 4A phường A, quận K, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

**2. Bị đơn:**

2.1. Bà Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1973.

2.2. Ông Trần Quang P, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: G3.11, KDC B, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Thế S-  
Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

### 3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Ngọc B, sinh năm: 1978 (có mặt)

3.2. Ông Nguyễn Văn V.

Địa chỉ: Ấp N1, xã A, huyện L, thành phố Cần Thơ.

Ông V ủy quyền cho bà B.

### NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của của bà Hàng Thị Hoàng Y trình bày như sau:*

Bà Hàng Thị Hoàng Y có cho bà Nguyễn Thị Phương L và ông Trần Quang P vay tiền cụ thể như sau:

+ Vào ngày 14/11/2018, bà Y có cho vợ chồng ông Trần Quang P và bà Nguyễn Thị Phương L vay số tiền 400.000.000đồng với lãi suất 4%/tháng, thời hạn vay 03 tháng, có làm biên nhận viết tay do bà L viết và ký tên, ông Trần Quang P không ký tên, nguyên đơn trực tiếp giao tiền cho bà L, không có mặt ông P. Bà L đã đóng đầy đủ lãi với số tiền 48.000.000đồng. Hết thời gian 03 tháng bà L và ông P không trả nợ gốc. Đến ngày 14/02/2019 giữa bà Y và bà L + ông P thỏa thuận gia hạn thời hạn vay đối với khoản vay này thêm 10 tháng, thỏa thuận miệng cũng với lãi suất 4%/tháng, bà L và ông P đóng lãi được 02 tháng là 32.000.000đồng thì không đóng lãi và không trả nợ gốc. Nguyên đơn yêu cầu bà L và ông P trả số nợ 400.000.000đồng và lãi suất 1%/tháng tính từ tháng 5/2019 cho đến khi xét xử.

+ Vào ngày 12/02/2019, bà Y có cho bà L và ông P vay số tiền 200.000.000đồng lãi suất 5%/tháng thời hạn vay là 10 tháng, có làm biên nhận do bà L tự viết và ký tên, ông P không ký tên. Nguyên đơn trực tiếp giao tiền cho bà L, không có mặt ông P. Bà L đã đóng lãi được 02 tháng là 20.000.000đồng thì ngưng không đóng lãi và trả nợ gốc. Nay nguyên đơn yêu cầu bà L và ông P trả số tiền 200.000.000đồng và tiền lãi tính từ tháng 5/2019 cho đến khi xét xử mức lãi suất là 1%/tháng.

Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bà L và ông P phải trả cho nguyên đơn là 600.000.000đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh từ tháng 5/2019 cho đến khi xét xử với mức lãi suất 1%/tháng.

*Tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 08/10/2020, các biên bản hòa giải ngày 17/8/2020, ngày 10/9/2020 và ngày 08/10/2020:*

+ Ông Châu Thanh B – đại diện ủy quyền của bà Nguyễn Thị Phương L trình bày: Bà L thừa nhận có ký biên nhận ngày 14/11/2018 vay 400.000.000đồng với lãi suất 4%/tháng và biên nhận ngày 12/02/2019 vay 200.000.000đồng, lãi suất 5%/tháng. Tuy nhiên đối với hai biên nhận này bà L chỉ ký nhận vay dùm cho bà Nguyễn Ngọc B và ông Nguyễn Văn V, người trực tiếp nhận tiền vay từ

bà Y là bà B và ông V. Từ khi vay thì bà B và ông V có đóng lãi đầy đủ như nguyên đơn trình bày, khi trả lãi cho bà Y, bà B và ông V có làm biên nhận trả lãi. Đối với biên nhận ngày 14/11/2018 thì không có việc thỏa thuận gia hạn thời gian vay. Do bà B và ông V là người trực tiếp nhận tiền của bà Y nên nghĩa vụ trả nợ cho bà Y là của bà B và ông V. Đối với số tiền lãi đã đóng yêu cầu tòa án xem xét điều chỉnh theo quy định vì lãi suất quá cao.

+ Tại bản tự khai ngày 30/9/2020 ông Trần Quang P trình bày: Ông P không quen biết gì đối với bà Hàng Thị Hoàng Y và cũng không ký vay mượn tiền của bà Y. Việc bà Y cho bà Nguyễn Thị Phương L vay tiền ông P không hay biết, bà L cũng không trao đổi gì với ông P về vấn đề này.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Ngọc B trình bày: Số tiền vay ở hai biên nhận nợ: Ngày 14/11/2018 vay 400.000.000đồng với lãi suất 4%/tháng và biên nhận ngày 12/02/2019 vay 200.000.000đồng, lãi suất 5%/tháng là bà L ký nhận nợ vay dùm cho bà B. Đối với khoản vay 200.000.000đồng thì trước đây có nhờ bà L mượn nợ dùm 1.000.000.000đồng. Sau đó đã trả tiền gốc 800.000.000đồng và 03 tháng tiền lãi 150.000.000đồng. Còn nợ 200.000.000đồng. Sau đó có làm biên nhận nợ còn nợ 200.000.000đồng bà L là người ký nhận nợ. Sau khi bà L ký biên nhận nợ 200.000.000đồng thì bà B có trả cho bà Y 20.000.000đồng tiền lãi và 70.000.000đồng tiền vốn. Như vậy, việc bà L ký nhận nợ 600.000.000đồng dùm bà B thì hiện tại chỉ còn nợ 530.000.000đồng. Đồng ý trả 530.000.000đồng cho bà Y và yêu cầu điều chỉnh lãi suất đã đóng.

Do hòa giải không thành nên vụ kiện được đưa ra xét xử. Tại Bản án số 17/2021/DS-ST ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận C, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hàng Thị Hoàng Y.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Phương L phải trả cho bà Hàng Thị Hoàng Y số tiền 668.240.000đồng (trong đó tiền vốn 600.000.000đồng, tiền lãi là 68.240.000đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tiền tạm ứng án phí, quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định của pháp luật.

Cùng ngày 08 tháng 3 năm 2021, nguyên đơn bà Hàng Thị Hoàng Y, bị đơn bà Nguyễn Thị Phương L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà

Nguyễn Ngọc B đều có đơn kháng cáo Bản án nêu trên của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến các đương sự như sau:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét buộc ông Trần Quang P phải liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cùng với bà L và yêu cầu xem xét buộc bị đơn phải trả thêm tiền lãi trong giai đoạn xét xử phúc thẩm.

- Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn – Luật sư Nguyễn Thế S cho rằng bà L chỉ là người ký bảo lãnh nợ cho bà B, số tiền nhận từ bà Y bà L đã giao lại cho bà B hoàn toàn không có hưởng lợi. Bà B có cung cấp các biên nhận nhận tiền của bà Y với tổng số tiền 890.000.000đồng, số tiền này bà B giao cho bà Y là để trả vào khoản vay mà bà L đã ký nhận nợ với bà Y. Tòa án sơ thẩm chưa làm rõ nguyên nhân bà B giao tiền cho bà Y và cũng không hướng dẫn cho bà B làm thủ tục yêu cầu độc lập để cản trừ nợ cho bà L làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà L là có sai sót. Đề nghị cấp phúc thẩm nếu không sửa được bản án sơ thẩm thì hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ về cho Tòa sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

- Bà Nguyễn Thị Phương L thống nhất với phần phát biểu của Luật sư và trình bày bà chỉ là người giúp cho bà Y và bà B vì bà B là người muốn vay tiền còn bà Y là người muốn cho vay để kiếm thêm thu nhập từ tiền lãi, bà có ký 02 biên nhận nợ với bà Y nhưng thực chất số tiền này bà vay dùm bà B nên đề nghị được cản trừ số tiền bà B đã trả cho bà Y vào số nợ mà bà đã ký biên nhận.

- Bà Nguyễn Ngọc B xác định bà không nợ tiền của bà Y mà chỉ nợ tiền của bà L, bà biết số tiền bà L cho bà vay là vay lại từ bà Y. Bà có giao cho bà Y 890.000.000đồng vì trong thời gian đó bà L đi du lịch nước ngoài nên kêu bà mang tiền đến trả cho bà Y.

- Ông P trình bày: Việc bà L vay tiền của bà Y ông hoàn toàn không biết và ông cũng không biết bà Y là ai nên ông không đồng ý liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cùng với bà L.

- Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, các thẩm phán, thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng trong vụ án đều chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Kiểm sát viên phân tích các căn cứ để kháng cáo của của bị đơn bà Nguyễn Thị Phương L và người cơ quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc B là không có cơ sở để chấp nhận. Đồng thời phân tích các căn cứ để xác định không có cơ sở chấp nhận yêu cầu buộc ông P có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng với bà L. Đối với kháng cáo của nguyên đơn về phần tuyên nghĩa vụ chậm trả là có cơ sở. Đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa một phần bản án sơ thẩm đối với phần tuyên về nghĩa vụ chậm trả.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền đã vay, chứng cứ nguyên đơn cung cấp kèm theo đơn khởi kiện là hai biên nhận ngày 14/11/2018 và biên nhận ngày 12/02/2019 có chữ ký ghi tên của bị đơn. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết theo quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là có căn cứ, đúng thẩm quyền.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn bà Nguyễn Thị Phương L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc B có đơn kháng cáo với cùng nội dung số tiền bị đơn ký theo hai biên nhận nợ do nguyên đơn cung cấp là do bị đơn vay dùm cho bà Nguyễn Ngọc B, sau khi vay tiền bà B có trả lãi và trả một phần tiền vốn cho nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả nợ cho nguyên đơn là chưa đánh giá hết chứng cứ. Nguyên đơn kháng cáo cho rằng số nợ này bị đơn vay trong thời kỳ hôn nhân nên đề nghị buộc chồng của bị đơn là ông Trần Quang P phải liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Phương L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc B, thấy rằng:

[3.1] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đều thừa nhận bị đơn bà Nguyễn Thị Phương L có ký các biên nhận vay tiền của bà Y vào ngày 14/11/2018 và ngày 12/02/2019 với tổng số tiền vốn là 600.000.000đồng. Mặc dù bà L và bà B đều trình bày số tiền này bà L vay dùm cho bà B và ông V nên bà B nhận trách nhiệm trả cho bà Y số tiền đã vay theo hai biên nhận nợ nêu trên. Nhưng phần trình bày này không được bà Y thừa nhận, phía bà L và bà B cũng không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh có sự thống nhất giữa ba bên bà Y, bà L, bà B về việc bà Y cho bà B vay số tiền trên thông qua bà L là người ký biên nhận nợ nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà L có trách nhiệm trả nợ cho bà Y là có căn cứ.

[3.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà B cũng xác định là không nợ bà Y mà chỉ nợ bà L, bà đã giao cho bà Y 890.000.000đồng theo 02 biên nhận ngày 12/5/2019 và 12/6/2019 là theo yêu cầu của bà L vì vậy bà yêu cầu cản trừ số tiền đã giao và số nợ của bà L đối với bà Y. Xét thấy, hai biên nhận mà bà B cung cấp chỉ thể hiện có nội dung bà Y có nhận tiền từ bà B mà không thể hiện số tiền này bà B giao cho bà Y nhằm mục đích gì. Quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm bà B chưa từng đặt ra yêu cầu cản trừ số tiền 800.000.000đồng, ngoài phần trình bày của mình bà L và bà B không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh **số tiền bà B đã giao là để** trả nợ cho bà L và phía bà Y cũng không đồng ý cản trừ nợ theo yêu cầu của bà B nên không đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của bà B. Việc Luật sư yêu cầu huỷ án sơ thẩm để làm rõ số tiền bà B đã giao cho bà Y là không có căn cứ để chấp nhận, bởi lẽ theo quy định của pháp luật, bà B có quyền khởi kiện yêu cầu bà Y trả lại số tiền đã nhận để được xem xét, giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Hàng Thị Hoàng Y yêu cầu ông P liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cùng bà L và yêu cầu tính lãi đối với thời gian sau khi xét xử sơ thẩm, xét thấy:

[4.1] Biên nhận nợ do nguyên đơn cung cấp không có ông P ký tên cùng với bà L. Bà L khi lập biên nhận nợ với bà Y cũng không thuộc trường hợp đại diện giữa vợ và chồng theo quy định tại các điều 24, 25, 26 Luật Hôn nhân & gia đình và cũng chưa có căn cứ để chứng minh số tiền vay này bà L sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo này của phía nguyên đơn.

[4.2] Đối với yêu cầu được tính lãi ở giai đoạn tiếp theo phiên toà xét xử sơ thẩm xét thấy: Trong vụ án này, bị đơn là người chậm thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng vay tài sản. Toà án cấp sơ thẩm tuyên nghĩa vụ chậm thi hành án kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án là chưa đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao nên kháng cáo này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[5] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét lại.

[6] Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận. Yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ: khoản 1, 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Phương L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc B; chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Hàng Thị Hoàng Y. Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 17/2021/DS-ST ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

Áp dụng: Căn cứ vào các Điều 117, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự; điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hàng Thị Hoàng Y.

Buộc bà Nguyễn Thị Phương L phải trả cho bà Hàng Thị Hoàng Y số tiền 668.240.000đồng (trong đó tiền vốn 600.000.000đồng, tiền lãi là 68.240.000đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

## 2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Phương L phải chịu 30.729.600đồng (*Ba mươi triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm đồng*). Hoàn trả cho bà Hàng Thị Hoàng Y 15.440.000đồng (*Mười lăm triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 006092, ngày 28/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Phương L, bà Nguyễn Ngọc B mỗi người phải chịu 300.000đồng; bà L và bà B được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 006759 và 006760 cùng ngày 09/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ. Bà L và bà B không phải nộp thêm tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

### Nơi nhận:

- Đường sự
- VKSND-TPCT;
- TAND Q. C;
- Chi cục THA.DS Q. C;
- Lưu (2b).

(Đã ký)

**Huỳnh Thị Bích Vân**

